

ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN TÍN DỤNG ĐẾN GIẢM NGHÈO Ở HUYỆN TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Viết Đăng*, Vũ Thị Thoan**

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) cung cấp vốn tín dụng ưu đãi, kích thích người nghèo vươn lên thoát nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo vay vốn của NHCSXH ở huyện Tiên Lữ đã thoát nghèo năm 2011 là 61,9%. Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện đã giảm từ 15,6% năm 2009 xuống còn 11,06% năm 2011. Bài viết sử dụng Mô hình Logit để phân tích ảnh hưởng và đề xuất một số biện pháp nâng cao khả năng thoát nghèo nhờ vốn tín dụng NHCSXH ở huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Kết quả phân tích cho thấy nếu lượng vốn vay tăng thêm một triệu đồng, thì xác suất thoát nghèo tăng 8,05%, trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Nếu thời hạn cho vay dài hơn hoặc các vòng vay tiếp nối liên tục, thì tỷ lệ thoát nghèo cũng cao hơn. Các biện pháp cần thực hiện là lựa chọn đúng đối tượng vay vốn, tăng lượng vốn cho vay, và tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật, và dạy nghề phi nông nghiệp cho các hộ nghèo.

Từ khoá: Giảm nghèo, Mô hình Logit, Ngân hàng Chính sách xã hội.

1. Đặt vấn đề

Bên cạnh những thành tựu nổi bật trong công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rộng là vấn đề xã hội cần được quan tâm. Xác định rõ tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ xã hội và khẳng định nghèo đói ảnh hưởng tiêu cực tới ổn định chính trị, kinh tế và môi trường, Đảng và Nhà nước đã tập trung nhiều nỗ lực cho xoá đói giảm nghèo, trong đó cung cấp vốn tín dụng ưu đãi cho người nghèo là một trong những giải pháp cơ bản. Ngày 4/10/2002 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cùng ngày Thủ tướng chính phủ đã ký Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg thành lập Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH).

NHCSXH ra đời đã góp phần ngăn chặn nạn cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn, thực hiện vai trò điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế đối với những đối tượng dễ bị tổn thương và là một trong những công cụ đòn bẩy kinh tế, kích thích người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống, tự tin vươn lên khẳng định vị thế của mình trong xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Ở

nhiều địa phương hoạt động cho vay hộ nghèo đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo (Võ Thị Thuý Anh và Phan Đăng My Phương, 2010).

Người nghèo ở huyện Tiên Lữ đã tiếp cận được nguồn vốn tín dụng từ NHCSXH thông qua 18 điểm giao dịch ở 18 xã, thị trấn với 437 tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV). Mức cho vay bình quân/hộ không ngừng tăng lên, từ 11,18 triệu đồng (2009) lên 14,34 triệu đồng (2011). Nguồn vốn tín dụng NHCSXH là một trong những động lực quan trọng cho giảm nghèo ở huyện Tiên Lữ. Theo UBND huyện Tiên Lữ (2011), tỷ lệ hộ nghèo vay vốn đã thoát nghèo các năm 2009, 2010 và 2011 tương ứng là 56,98%; 59,96% và 61,99%. Tình trạng tái nghèo năm 2011 chỉ chiếm 2,6% tổng số hộ cận nghèo.

Bài viết này nhằm đánh giá ảnh hưởng của vốn tín dụng đến khả năng thoát nghèo và đề xuất một số biện pháp nâng cao khả năng thoát nghèo nhờ vốn tín dụng giảm nghèo của NHCSXH ở huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, góp phần thực hiện xoá đói giảm nghèo nhanh và bền vững trên toàn tỉnh Hưng Yên.

2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Để đánh giá ảnh hưởng của vốn tín dụng NHC-

SXH (trong bài này gọi chung là vốn tín dụng) đến giảm nghèo một cách khách quan, nghiên cứu lựa chọn và phân tích các hộ nghèo chỉ vay nguồn vốn giảm nghèo của NHCSXH, không vay kết hợp với các nguồn vốn khác. Trong tổng số 976 hộ nghèo vay vốn giảm nghèo từ NHCSXH cùng đợt vay năm 2009 với cùng thời hạn vay 36 tháng ở các xã Lê Xá, Hải Triều và Ngô Quyền, đại diện cho các tiểu vùng sinh thái của huyện Tiên Lữ, 201 hộ (chiếm 20,6%) đã được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, loại trừ một số hộ vay vốn nhưng không đúng đối tượng vay. Đến năm 2011, các hộ này đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc với NHCSXH. Danh sách các hộ nghèo vay vốn được Hội Phụ nữ các xã liên quan cung cấp.

Các nhóm thông tin thu thập được bao gồm: (i) Thông tin cơ bản về nhân khẩu học của hộ, tình trạng kinh tế của hộ trước và sau khi vay vốn (các năm 2009 và 2011), ngành nghề sản xuất chủ yếu của hộ; (ii) Tình hình vay và mục đích sử dụng vốn của hộ; và (iii) Nhu cầu vay vốn của hộ trong vòng vay tiếp theo.

2.2. Phương pháp phân tích

Phương pháp phân tổ thống kê được dùng để phân chia các hộ nghèo vay vốn thành nhóm hộ thoát nghèo và nhóm hộ chưa thoát nghèo sau chu kỳ vay vốn. Phương pháp thống kê mô tả, sử dụng các số bình quân, số phần trăm,... được dùng để mô tả đặc điểm nhân khẩu học, nguồn lực và tình hình sử dụng vốn vay của các hộ nghèo.

Mô hình Logit được dùng để phân tích ảnh hưởng của vốn tín dụng đến khả năng thoát nghèo, với biến phụ thuộc Y là tình trạng kinh tế của hộ sau khi vay vốn (năm 2011) với giá trị $Y_i | (Y_i=1)$ nếu hộ thứ i đã thoát nghèo và ngược lại.

Mô hình Logit có dạng phương trình như sau:

$$Y(Z) = \frac{e^Z}{1 + e^Z}, \quad Z = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7$$

Bảng 1: Các biến độc lập của mô hình Logit

Biến	Nội dung
X_1	Tuổi của chủ hộ (năm)
X_2	Trình độ học vấn của chủ hộ (tiểu học/THCS/THPT)
X_3	Ngành nghề phi nông nghiệp của hộ (có/không)
X_4	Số lao động của hộ (lao động)
X_5	Diện tích đất canh tác của hộ (sào Bắc Bộ)
X_6	Lượng vốn vay (triệu đồng)
X_7	Số lượt tham gia tập huấn KHKT (lượt)

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đánh giá ảnh hưởng của vốn tín dụng Ngân hàng chính sách xã hội tới việc giảm nghèo

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong 201 hộ nghèo vay vốn tín dụng năm 2009, đến năm 2011 đã có 98 hộ thoát nghèo chiếm 48,76%, số còn lại là chưa thoát nghèo. Các nội dung dưới đây nhằm phân tích sự khác biệt cơ bản giữa 2 nhóm hộ đã thoát nghèo và chưa thoát nghèo sau 36 tháng vay và sử dụng vốn tín dụng ở huyện Tiên Lữ.

3.1.1. Thông tin về các chủ hộ điều tra

Tuổi của chủ hộ

Kết quả nghiên cứu cho thấy độ tuổi của chủ hộ có mối tương quan rõ rệt với tình trạng kinh tế của hộ. Trong mẫu điều tra có 19 chủ hộ có độ tuổi dưới 35, thì 63,16% số hộ này đã thoát nghèo. Ngược lại, trong số 18 chủ hộ có độ tuổi trên 60, thì 61,11% số hộ này vẫn chưa thoát nghèo. Độ tuổi bình quân của chủ hộ trong nhóm hộ đã thoát nghèo cũng thấp hơn so với nhóm chưa thoát nghèo, tương ứng là 45,9 và 48,3 tuổi. Điều này cho thấy chủ hộ càng trẻ tuổi thì khả năng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT) vào sản xuất càng tốt, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, sử dụng đồng vốn vay có hiệu quả để phát triển kinh tế gia đình.

Giới của chủ hộ

Tương tự như vậy, sự khác biệt về giới của chủ hộ giữa nhóm hộ đã thoát nghèo và chưa thoát nghèo cũng có ảnh hưởng đến tình trạng kinh tế của hộ. Kết quả cho thấy, trong 40 hộ có chủ hộ là nữ thì 67,5% số hộ này chưa thoát nghèo; còn trong 161 hộ có chủ hộ là nam thì tỷ lệ hộ thoát nghèo cũng cao hơn (Bảng 2). Như vậy, khi chủ hộ là nam giới thì họ sẽ mạnh dạn ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất, sử dụng đồng vốn có hiệu quả hơn và tình trạng kinh tế sẽ tốt hơn.

Trình độ của chủ hộ

Bảng 2: Thông tin chung về chủ hộ điều tra năm 2011

TT	Chỉ tiêu	Nhóm hộ				Tổng số	
		Chưa thoát nghèo		Thoát nghèo		SL (hộ)	CC (%)
		SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)		
1	Độ tuổi						
	• Dưới 35 tuổi	7	36,84	12	63,16	19	100
	• 35-45 tuổi	29	48,33	31	51,67	60	100
	• 45-60 tuổi	56	53,85	48	46,15	104	100
	• Từ 60 tuổi trở lên	11	61,11	7	38,89	18	100
	<i>Tuổi bình quân</i>	48,3	-	45,9	-	47,1	-
2	Giới tính						
	• Nam	76	47,20	85	52,80	161	100
	• Nữ	27	67,50	13	32,50	40	100
3	Trình độ học vấn						
	• Tiểu học	20	64,52	11	35,48	31	100
	• THCS	70	60,87	45	39,13	115	100
	• THPT	13	23,64	42	76,36	55	100
	Tổng	103	51,24	98	48,76	201	100

Nguồn: Số liệu điều tra, 2012

Trình độ học vấn của chủ hộ cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến trình trạng kinh tế của hộ. Trong số 31 chủ hộ có trình độ học vấn tiểu học, thì 64,52% số hộ này vẫn chưa thoát nghèo, trong khi đó 76,36% số chủ hộ có trình độ trung học phổ thông đã thoát nghèo. Trong tổng số 103 hộ chưa thoát nghèo thì có tới 90 hộ có trình độ tiểu học và trung học cơ sở. Điều đó cũng chứng minh khi trình độ của chủ hộ thấp thì đồng nghĩa với tình trạng kinh tế của hộ cũng thấp và ngược lại.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy các đặc điểm của chủ hộ đã tạo nên sự khác biệt cơ bản về tình trạng kinh tế của hộ sau khi vay và sử dụng vốn tín dụng. Chủ hộ trong nhóm đã thoát nghèo thường có độ tuổi thấp hơn, trình độ học vấn cao hơn. Ngược lại, chủ hộ là nữ giới thì tình trạng kinh tế cũng thấp hơn.

3.1.2. Thông tin về các hộ điều tra

Tình hình nhân khẩu và lao động

Lao động là yếu tố cơ bản nhất quyết định sự tồn tại và phát triển trong quá trình sản xuất của con người. Đối với hộ gia đình thì số lượng nhân khẩu và lao động là các yếu tố quan trọng phản ánh tình trạng nguồn lực của hộ gia đình, nhất là hộ nghèo. Nếu số lượng nhân khẩu nhiều mà số lượng lao động ít, tức là tỷ lệ phụ thuộc cao thì khả năng tiết kiệm sẽ thấp và mức sống cũng thấp.

Số nhân khẩu bình quân hộ điều tra là 3,92 người, trong đó, sự khác biệt giữa nhóm hộ đã thoát nghèo và chưa thoát nghèo là không rõ rệt với số nhân khẩu bình quân hộ tương ứng là 3,99 và 3,84 người. Tuy nhiên, có sự khác biệt đáng kể về số lao động giữa hai nhóm hộ. Nhóm hộ đã thoát nghèo có số lao động gia đình là 2,34 lao động, nhiều hơn nhóm hộ chưa thoát nghèo (2,08 lao động). Điều này còn được khẳng định thông qua cơ cấu các nhóm hộ theo số lượng lao động gia đình. Trong mẫu điều tra, 44 hộ có từ 3 lao động trở lên, trong đó 63,64% số hộ này đã thoát nghèo. Ngược lại, trong 20 hộ chỉ có một lao động thì có đến 75% số hộ này chưa thoát nghèo (Bảng 3). Điều này đã khẳng định số lượng lao động gia đình là yếu tố quan trọng tạo ra sự khác biệt về tình trạng kinh tế của các nhóm hộ.

Bên cạnh đó, tỷ lệ phụ thuộc trong hai nhóm hộ cũng khác nhau đáng kể. Ở nhóm hộ đã thoát nghèo thì thu nhập của một lao động phải trang trải chi phí cho 1,7 người; con số này ở nhóm hộ chưa thoát nghèo là 1,85 người. Như vậy, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc tốt sức khỏe cho người lao động là điều cần thiết để cải thiện tình trạng kinh tế cho người nghèo ở huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Đất đai của các hộ điều tra

Kết quả điều tra cho thấy diện tích đất canh tác của các hộ điều tra là tương đối cao, bình quân mỗi

hộ có 8,8 sào Bắc Bộ, tương đương 3.168 m². Hộ thấp nhất có khoảng 1 sào Bắc bộ và hộ nhiều nhất có 44 sào, tương đương 15.840 m². Diện tích đất canh tác bình quân của nhóm hộ đã thoát nghèo cũng lớn hơn nhóm chưa thoát nghèo. Trong mẫu điều tra, chỉ có 23 hộ có diện tích đất canh tác dưới 1.000 m², nhưng có đến 82,61% số hộ này thuộc nhóm chưa thoát nghèo, chủ yếu rơi vào các hộ già cả hoặc neo đơn (Bảng 3). Điều đó cũng chứng tỏ một khi diện tích đất canh tác của hộ thấp thì tình

trạng kinh tế cũng khó khăn.

Tần suất tham gia các khoá tập huấn khoa học kỹ thuật

Bên cạnh các yếu tố nguồn lực về đất đai, lao động và vốn; kiến thức KHKT và kỹ năng quản lý cũng là yếu tố đầu vào quan trọng để ra các quyết định sản xuất cái gì, bao nhiêu, và khi nào; bán sản phẩm bằng cách nào và khi nào; quy mô sản xuất ra sao; và huy động nguồn vốn nào cho các hoạt động

Bảng 3. Thông tin chung về các hộ điều tra

TT	Chỉ tiêu	Nhóm hộ				Tổng	
		Chưa thoát nghèo		Thoát nghèo		SL (hộ)	CC (%)
		SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)		
I	Phân loại hộ điều tra	103	51,24	98	48,76	201	100
1	<i>Theo nhân khẩu</i>						
	• Dưới 4 khẩu	33	60,00	25	45,45	55	100
	• 4-6 khẩu	62	48,06	67	51,94	129	100
	• Từ 6 khẩu trở lên	8	57,14	6	42,86	14	100
2	<i>Theo lao động</i>						
	• 1 lao động	15	75,00	5	25,00	20	100
	• 2 lao động	72	52,55	65	47,45	137	100
	• Từ 3 lao động trở lên	16	36,36	28	63,64	44	100
3	<i>Theo quy mô đất canh tác</i>						
	• Dưới 1000 m ²	19	82,61	4	17,39	23	100
	• Từ 1000 - 3600 m ²	55	51,89	51	48,11	106	100
	• Từ 3600 m ² trở lên	29	40,28	43	59,72	72	100
4	<i>Theo lượng vốn vay</i>						
	• Dưới 6 triệu đồng	11	100	0	0	11	100
	• Từ 6-10 triệu đồng	63	76,83	19	23,17	82	100
	• Từ 10 tr.đ trở lên	29	26,85	79	73,15	108	100
5	<i>Theo tần suất tham gia các khóa tập huấn KHKT</i>						
	• 1-2 lần/năm	81	59,12	56	40,88	137	100
	• Từ 3 lần/năm trở lên	22	34,38	42	65,63	64	100
6	<i>Theo nghề phụ của hộ</i>						
	• Có nghề phụ	10	27,03	27	72,97	37	100
	• Không có nghề phụ	93	56,71	71	43,29	164	100
II	Một số chỉ tiêu bình quân hộ						
1	Số nhân khẩu	3,84	-	3,99	-	3,92	-
2	Số lao động	2,08	-	2,34	-	2,19	-
3	Tỷ lệ phụ thuộc	1,85	-	1,70	-	1,79	-
4	DT đất canh tác (sào)	7,57	-	10,1	-	8,8	-
5	Mức vốn vay (tr.đ)	8,7	-	13,3	-	11,2	-

Nguồn: Số liệu điều tra, 2012

sản xuất (Penson và cộng sự, 1999). Cùng với việc cho vay vốn, NHCSXH và các tổ chức uỷ thác đã tích cực tổ chức chuyển giao KHKT, công nghệ mới giúp thành viên vay, quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Điều này có tác dụng nâng cao chất lượng sử dụng vốn, giúp họ nhanh chóng thoát nghèo, đồng thời tránh rủi ro cho Ngân hàng. Hàng năm, căn cứ vào danh sách hộ vay vốn, tổ trưởng tổ TK&VV đánh dấu số lượt tham gia các khoá tập huấn KHKT của từng hộ gia đình. Mức độ tham gia của hộ cũng là một tiêu chí đánh giá ý thức của hộ vay vốn góp phần xây dựng các tổ chức đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Đồng thời cũng là tiêu chí để xét cho vay vốn đối với vòng vay tiếp theo.

Trong mẫu điều tra, các hộ vay vốn đều đã tham gia vào ít nhất một khóa tập huấn KHKT do các đoàn thể tổ chức. Tuy nhiên, tần suất tham gia hoạt động này giữa các nhóm hộ là khác nhau. Kết quả điều tra cho thấy 64 hộ (chiếm 31,8% tổng mẫu điều tra) đã tham gia ít nhất 3 lượt khóa tập huấn, trong đó, 65,63% số hộ này đã thoát nghèo. Điều này cũng thể hiện sự tương quan giữa mức độ tích cực tiếp thu KHKT và tình trạng kinh tế của các hộ gia đình.

Ngành nghề phi nông nghiệp của hộ điều tra

Ngành nghề phi nông nghiệp tạo nguồn thu nhập đáng kể cho hộ nông dân. Do Tiên Lữ là huyện thuần nông, nên các nghề phi nông nghiệp mà lao động địa phương có thể tham gia chủ yếu là nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp. Trong mẫu điều tra chỉ có 37 hộ (chiếm 18,41%) có việc làm phi nông nghiệp, trong đó 72,97% số hộ này đã thoát nghèo (Bảng 3). Điều này cho thấy các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp là nguồn thu nhập quan trọng để các hộ nông dân ở huyện Tiên Lữ thoát nghèo.

Như vậy, nhóm hộ đã thoát nghèo có nguồn lực đất đai, lao động dồi dào hơn nhóm hộ chưa thoát nghèo. Họ cũng tham gia tích cực hơn trong các hoạt động tập huấn, chuyển giao KHKT do các đoàn thể tổ chức và năng động hơn trong tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp so với nhóm hộ chưa thoát nghèo. Điều này cho thấy sự khác biệt về nguồn lực trong hộ gia đình tạo ra sự khác nhau căn bản về tình trạng kinh tế của họ.

3.1.3. Tình hình vay vốn giảm nghèo của các hộ điều tra

Lượng vốn vay của các hộ

Với lãi suất ưu đãi là 0,65%/tháng, không phân biệt thời hạn vay, mức vay, và mục đích vay, các hộ nghèo ở huyện Tiên Lữ đã được tiếp cận nguồn vốn giảm nghèo một cách thuận lợi. Vốn vay được các hộ sử dụng vào mục đích chăn nuôi và trồng trọt để

tạo việc làm cho lao động gia đình, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo tại địa phương. Những hộ có diện tích đất canh tác lớn đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cải tạo vườn tạp thành các trang trại trồng các loại cây đặc sản như nhãn, vải và mở rộng quy mô chăn nuôi gà, lợn, bò và thủy sản.

Kết quả nghiên cứu cho thấy lượng vốn vay bình quân của các hộ điều tra là 11,2 triệu đồng, trong đó, chỉ có 11 hộ vay dưới 6 triệu đồng/hộ (chiếm 5,47%); 82 hộ vay từ 6-10 triệu đồng (chiếm 40,8%), và 108 hộ vay từ 10 triệu trở lên (chiếm 53,73%). Nhóm hộ đã thoát nghèo có mức vay bình quân cao hơn so với nhóm hộ chưa thoát nghèo với lượng vốn vay tương ứng là 13,3 triệu đồng và 8,7 triệu đồng/hộ. Trong 108 hộ vay từ 10 triệu đồng trở lên có 73,15% số hộ đã thoát nghèo. Ngược lại, đa số các hộ vay dưới 10 triệu đồng / hộ đều chưa thoát nghèo (Bảng 4). Như vậy, lượng vốn tín dụng giảm nghèo mỗi hộ được vay là một yếu tố quan trọng làm thay đổi tình trạng kinh tế của hộ nghèo. Do đó, việc hoàn thiện chính sách tín dụng để tăng lượng vốn cho vay trên mỗi lượt vay là cần thiết để thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững.

Số vòng vay của các hộ

NHCSXH triển khai hoạt động cho vay vốn tín dụng giảm nghèo ở huyện Tiên Lữ từ năm 2004. Tính đến năm 2011 số vòng vay nhiều nhất là 3 vòng. Do nguồn vốn có hạn, trong khi có nhiều đối tượng cần vay, nên số vốn vay phải được luân chuyển. Hơn nữa, theo quy định của NHCSXH, các hộ đã thoát nghèo sẽ không được vay tiếp. Kết quả điều tra cho thấy 73,6% số hộ vay vòng đầu tiên; còn lại 26,4% số hộ vay vòng thứ hai. Trong 103 hộ chưa thoát nghèo thì có tới 95 hộ vay vòng đầu tiên, chiếm 92,2%; trong khi đó 84,91% số hộ nghèo vay vòng thứ hai đã thoát nghèo (Bảng 4). Nếu thời hạn cho vay dài hơn hoặc các vòng vay được tiếp nối liên tục, thì tỷ lệ thoát nghèo cùng cao hơn. Theo Phan Thị Minh Lý và cộng sự (2009), trong thời hạn vay và sử dụng vốn từ 2003–2007, tỷ lệ thoát nghèo ở tỉnh Thừa Thiên Huế là 64%, cao hơn con số 48,76% trong mẫu điều tra. Như vậy, bên cạnh lượng vốn vay, nếu thời hạn cho vay dài hơn hoặc các vòng vay được tiếp nối liên tục, thì tỷ lệ thoát nghèo cùng cao hơn. Vấn đề đặt ra là NHCSXH cần đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vay vốn của các hộ nghèo. Thực tế nghiên cứu cho thấy vòng vay 2012-2014 chỉ có 47,6% số hộ điều tra chưa thoát nghèo được đáp ứng nhu cầu về vốn; cơ hội thoát nghèo của các hộ còn lại sẽ gặp nhiều khó khăn.

Bảng 4. Thông tin về tình hình vay vốn của hộ điều tra, 2009-2011

TT	Chi tiêu	Nhóm hộ				Tổng	
		Chưa thoát nghèo		Thoát nghèo		SL (hộ)	CC (%)
		SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)		
1	Phân loại hộ theo lượng vốn vay						
	• Dưới 6 triệu đồng	11	100	0	0	11	100
	• Từ 6-10 triệu đồng	63	76,83	19	23,17	82	100
	• Từ 10 triệu đồng trở lên	29	26,85	79	73,15	108	100
2	<i>Lượng vốn vay bình quân/hộ (tr.đ)</i>	8,7	-	13,3	-	11,2	-
3	Số vòng vay đến hết 2011						
	• 1 vòng	95	64,19	53	35,81	148	100
	• 2 vòng	8	15,09	45	84,91	53	100
4	Vòng vay tiếp theo (2012-2014)						
	• Có	49	100	-	-	49	100
	• Không	54	35,53	98	64,47	152	100

Nguồn: Số liệu điều tra, 2012

3.1.4. Ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến khả năng thoát nghèo

Kết quả phân tích ở trên cho thấy khả năng thoát nghèo của các hộ gia đình vay vốn tín dụng giảm nghèo của NHCSXH có thể chịu tác động của các yếu tố: lượng vốn vay, tuổi và trình độ học vấn của chủ hộ, nghề phụ của gia đình, số lao động gia đình, mức độ tham gia tập huấn KHKT,... trong đó lượng vốn vay là biến phản ánh ảnh hưởng trực tiếp của vốn tín dụng NHCSXH đến khả năng thoát nghèo.

Với số quan sát là 201 hộ nghèo vay vốn, mô hình Logit, chạy trên phần mềm Stata 11.0, được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của vốn tín dụng giảm nghèo do NHCSXH cung cấp đến khả năng thoát nghèo của các hộ nghèo ở huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên. Mô hình¹ có độ tin cậy 99%, mức độ dự báo đúng của mô hình là 81,03%.

Kết quả ước lượng từ mô hình logit cho thấy hệ số của các biến về trình độ học vấn, ngành nghề phi nông nghiệp, số lao động gia đình, lượng vốn vay, và số lượt tham gia tập huấn KHKT có ý nghĩa thống kê và có giá trị dương, phản ánh tác động tích cực của các biến này tới khả năng thoát nghèo của hộ, đồng thời phù hợp với thực tế. Các biến về tuổi của chủ hộ và diện tích đất canh tác của hộ không có ý nghĩa thống kê, tức không có tác động rõ rệt đến khả năng thoát nghèo (Bảng 5).

Kết quả phân tích tác động cận biên của các biến đến xác suất thoát nghèo của hộ cho thấy lượng vốn

vay bình quân/hộ điều tra giai đoạn 2009-2011 là 11,2 triệu đồng. Nếu hộ nghèo được vay thêm một triệu đồng thì xác suất thoát nghèo tăng 8,05%, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Điều này một lần nữa khẳng định chương trình cho vay giảm nghèo của NHCSXH có tác động rõ rệt tích cực đến giảm nghèo ở huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Thêm vào đó, với số lượt tham gia tập huấn bình quân của các hộ nghèo giai đoạn 2009-2011 là 2,32 lượt, nếu hộ nghèo tham gia thêm một khóa tập huấn KHKT thì xác suất thoát nghèo tăng 11,45%, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả trên cho thấy đồng vốn vay chỉ thực sự phát huy tác dụng khi được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và được hướng dẫn, đào tạo cơ bản về kiến thức KHKT, kỹ năng quản lý vốn vay. Do vậy, chương trình tín dụng giảm nghèo của NHCSXH cần lồng ghép chặt chẽ với các việc chuyển giao KHKT cho nông dân ở huyện Tiên Lữ.

Ngoài ra, trình độ của chủ hộ có tác động rất lớn đến khả năng thoát nghèo. Đa số các chủ hộ có trình độ THPT thuộc nhóm đã thoát nghèo, chỉ còn số ít hộ thuộc diện cận nghèo. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu trình độ của chủ hộ tăng thêm một bậc học thì xác suất thoát nghèo tăng 33%. Tương tự như vậy, nếu thêm một lao động gia đình thì xác suất thoát nghèo tăng 11,5%; và tăng 32,8% nếu hộ nghèo có nghề phi nông nghiệp, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Điều này cho thấy khi hộ nghèo đã được vay vốn thì rất cần có thêm

Bảng 5. Kết quả ước lượng của mô hình Logit

Biến	Nội dung biến	β	dy/dx
X ₁	Tuổi của chủ hộ (năm)	0,02280	0,00565
X ₂	Trình độ học vấn của chủ hộ (tiểu học/THCS/THPT)	1,33092***	0,33014***
X ₃	Ngành nghề phi nông nghiệp của hộ (biến giả định)	1,52496***	0,32782***
X ₄	Số lao động của hộ (lao động)	0,46444*	0,11520*
X ₅	Diện tích đất canh tác của hộ (sào Bắc bộ)	0,35902	0,00890
X ₆	Lượng vốn vay (triệu đồng)	0,32459***	0,08051***
X ₇	Số lượt tham gia tập huấn KHKT (lượt)	0,46179*	0,11455*
β_0	Hằng số	-10,01962	-

Ghi chú: ***: Độ tin cậy 99%; *: Độ tin cậy 90%

nghề phụ để tạo thu nhập, giúp hộ thoát nghèo.

Như vậy, để nâng cao khả năng thoát nghèo, ngoài nỗ lực của bản thân người nghèo thì việc tổ chức và thực hiện lồng ghép việc cho vay vốn với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và tạo việc làm phi nông nghiệp cho người nghèo là cần thiết và có tác động rõ rệt đến khả năng thoát nghèo ở huyện Tiên Lữ.

3.2. Một số biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao khả năng thoát nghèo

Từ kết quả phân tích ảnh hưởng của vốn tín dụng đến giảm nghèo kết hợp với chủ trương xoá đói giảm nghèo của huyện Tiên Lữ trong thời gian tới, một số biện pháp sau đây cần được thực hiện nhằm nâng cao khả năng thoát nghèo nhờ vốn tín dụng giảm nghèo của NHCSXH.

3.2.1. Kiểm soát chặt chẽ đối tượng vay

Vì hoạt động cho vay của NHCSXH là nhằm mục tiêu xã hội với nhiều ưu đãi như: không phải thế chấp, lãi suất thấp, quy trình cho vay đơn giản... nên dễ nảy sinh tiêu cực, dẫn đến tình trạng hộ cần vay vốn thì không được vay, và cho vay không đúng đối tượng. Do vậy, các tổ chức nhận uỷ thác cần phải kiểm soát chặt chẽ việc bình xét hộ vay vốn và thẩm định nghiêm ngặt phương án sử dụng vốn vay. Việc bình xét cần được thực hiện công khai, công bằng, xem xét toàn diện các tiêu chí như: hoàn cảnh kinh tế của hộ; số lượt vay vốn; mục đích sử dụng vốn; khả năng hoàn trả lãi và gốc,...

3.2.2. Tăng lượng vốn cho vay giảm nghèo

Lượng vốn vay có ảnh hưởng tích cực đến khả năng thoát nghèo. Hiện nay, lượng vốn vay tối đa cho hộ nghèo là 20 triệu đồng với thời hạn vay tối đa là 3 năm. Theo Vũ Thị Thoan (2012), tất cả các

hộ chưa thoát nghèo mong muốn được vay vòng tiếp theo với nhu cầu vay tối thiểu là 25 triệu đồng, trong đó, 62,14% số hộ chưa thoát nghèo mong muốn vay từ 35–45 triệu đồng. Do vậy, để thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, nghiên cứu đề xuất mức cho vay tối đa là 45 triệu đồng trong thời hạn 3 năm và đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn tín dụng cho các hộ chưa thoát nghèo. Các tổ chức đoàn thể nhận uỷ thác cấp trên cần phối hợp với NHCSXH để tái phân bổ các nguồn vốn cho vay phù hợp với từng địa phương, từng nhóm hộ nghèo, và từng loại mục đích sử dụng vốn, tránh tình trạng địa phương có nhu cầu vay vốn không cao lại được phân bổ nhiều; ngành nghề sản xuất – kinh doanh cần vốn ít lại được vay nhiều dẫn tới thừa vốn và ngược lại.

3.2.3. Tăng cường tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, kỹ năng quản lý kinh tế, và dạy nghề phi nông nghiệp cho các hộ nghèo

Thiếu kiến thức là nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng thoát nghèo. Các tổ chức đoàn thể nhận uỷ thác ở huyện Tiên Lữ cần phối hợp với Phòng Nông nghiệp, Trạm Khuyến nông của huyện và Tổ chức Tầm nhìn Thế giới đang hoạt động tại huyện để tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật và kiến thức quản lý kinh tế cho các hộ nghèo vay vốn, giúp họ nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng thu nhập để thoát nghèo.

Bên cạnh đó, kết quả phân tích cho thấy ảnh hưởng của ngành nghề phi nông nghiệp đến khả năng thoát nghèo là rất cao. Do vậy, các tổ chức đoàn thể cần kết hợp với phòng Công Thương, các doanh nghiệp, các trung tâm đào tạo nghề nhằm đẩy mạnh việc dạy nghề phi nông nghiệp cho người nghèo, giúp họ sử dụng hiệu quả lao động gia đình,

phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo.

4. Kết luận

Vốn tín dụng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược xoá đói giảm nghèo. Lượng vốn vay có ảnh hưởng tích cực đến khả năng thoát nghèo. Lượng vốn vay bình quân một hộ nghèo giai đoạn 2009-2011 là 11,2 triệu đồng. Nếu lượng vốn vay tăng thêm một triệu đồng, thì xác suất thoát nghèo tăng 8,05%, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay vốn của hộ

nghèo ở vòng đầu và các vòng tiếp theo là cần thiết, khi có đến 84,91% số hộ vay vòng thứ hai đã thoát nghèo và các hộ chưa thoát nghèo có nhu cầu vay tối thiểu là 25 triệu đồng. Một số biện pháp cơ bản được đề xuất để nâng cao khả năng thoát nghèo từ nguồn vốn giảm nghèo của NHCSXH là lựa chọn đúng đối tượng vay, tăng lượng vốn vay gắn với việc thúc đẩy các hoạt động khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất theo tinh thần Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững. □

1. Chi tiết kết quả ước lượng trên Stata 11.0 sẽ được các tác giả cung cấp khi có yêu cầu.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Thị Thuý Anh và Phan Đặng My Phương (2010). Nâng cao hiệu quả chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội tại thành phố Đà Nẵng, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng số 5(40). 2010.
- Phan Thị Minh Lý và cộng sự (2009), Tác động của vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội Thừa Thiên Huế đến hộ nghèo theo quan điểm tiếp cận mức sống, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, số 51 (2009).
- Penson, J.B., O. Capps, Jr., và C.P. Rosson III (1999). Introduction to Agricultural Economics, 2nd Ed. Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey 07458.
- Vũ Thị Thoan (2012), Đánh giá ảnh hưởng của vốn tín dụng đến hộ nghèo tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Luận văn thạc sỹ Kinh tế. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- UBND huyện Tiên Lữ (2011), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện Tiên Lữ năm 2011.

Effects of rural credit on poverty reduction in Tien Lu district, Hung Yen province

Abstract:

Vietnam Bank for Social Policies (VBSP) provides soft loans for the poor and other vulnerable groups to improve production for poverty reduction. The rate of poor households accessed loans from VBSP out of poverty in 2011 was 61.9%. Poverty incidence rate in Tien Lu district fell from 15.6% in 2009 down to 11.09% in 2011. This paper applies Logit model to analyze effects of the loans provided by VBSP on poverty reduction and propose measures to increase probability of getting out of poverty upon using the loan in Tien Lu district, Hung Yen province. Findings show that if the loan volume increases one more million dong, probability of getting out of poverty would increase by 8.05%, holding other predictors constant. If the loan term is longer or the loan revolving keeps continued upon a poor household, the rate of getting out of poverty would be higher. The proposed measures are to select the right clients, increase the loan volume, and augment training on farming techniques, economic management skills, and off-farm occupation for the poor.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Việt Đăng**

- Nơi công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Email: nguyenvietdang@hva.edu.vn

****Vũ Thị Thoan**, Học viên cao học Kinh tế, khoá 19, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội